

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CÔNG  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09/2024/DS - ST**  
Ngày 30 - 9 - 2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Bá Hiền

2. Ông Lại Duy Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST - DS ngày 12/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST - DS ngày 27/9/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng V

Địa chỉ: Số 169, phố Đ, phường H4, Quận M, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân B1 - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Bá T - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C (theo Văn bản ủy quyền số 98/QĐ-NHCS ngày 01/7/2022 của Giám đốc ông Nguyễn Xuân B1).

Địa chỉ làm việc của người được ủy quyền lại: Số 360 BT, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Y 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Chị Đỗ Thị H4, sinh năm 1994

Địa chỉ: xã B, huyện H3, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ liên hệ: Thôn Y 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Đỗ Thị H5, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn T2, xã T3, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

+ Chị Đỗ Thị H6, sinh năm 2004

Địa chỉ: Thôn Y 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ông Lê Hồng Th1, sinh năm 1945, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn HC, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng*:

+ Ông Lê Văn Đ - Trưởng thôn Y 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ông Lê Văn D - nguyên Trưởng thôn Y 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ông Lê Quốc L1 - Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn, thôn Y 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ông Nguyễn Văn N1 - Chủ tịch Hội Nông dân xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa ông T, ông L1, ông N1 có mặt; ông H, chị H4, chị H5, chị H6, ông Th1, bà N, ông Đ, ông D vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2024, bản tự khai đề ngày 10/6/2024, ngày 27/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Bá T trình bày:*

Căn cứ vào các Hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng C (viết tắt là NHCSXH) của gia đình bà Lê Thị H1, sinh năm 1977 (bà Lê Thị H1 đã mất tháng 7 năm 2023 có chồng là ông Đỗ Văn H). Căn cước công dân số: 038177030443, ngày cấp: 11/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Hộ khẩu thường trú vay vốn: thôn Y 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Cụ thể:

- Hồ sơ vay vốn chương trình hộ mới thoát nghèo: Ngày 08/7/2019 bà Lê Thị H1 nhận số tiền 50.000.000đ, ngày chuyển nợ quá hạn 28/9/2023; tính đến ngày 27/9/2024, số tiền gốc là 50.000.000đ, số tiền lãi là 5.176.022đ. Tổng số tiền nợ chương trình hộ mới thoát nghèo là: 55.176.022đ.

- Hồ sơ vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Ngày 08/4/2022, bà Lê Thị H1 nhận số tiền 20.000.000đ. Ngày chuyển nợ quá hạn 28/9/2023; tính đến ngày 27/9/2024, số tiền gốc là 17.000.000đ (ngày 08/12/2022 đã thu nợ gốc một phần số tiền 3.000.000đ), số tiền lãi là 1.784.766đ. Tổng số tiền nợ chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là: 18.784.766đ.

- Hồ sơ vay vốn chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: Ngày 08/3/2023, bà Lê Thị H1 nhận số tiền 20.000.000đ; tính đến ngày 27/9/2024, số tiền gốc là 20.000.000đ, số tiền lãi là 1.497.426đ. Tổng số tiền nợ chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn là: 21.497.426đ.

Tổng số tiền nợ 03 chương trình tính đến ngày 27/9/2024 là: 95.458.214đ (trong đó: nợ gốc 87.000.000đ, nợ lãi 8.458.214đ).

Trong đó, số dư tiền gửi tiết kiệm đến ngày 27/9/2024 là 5.249.749đ.

Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu hộ gia đình vay vốn phải trả đến ngày 27/9/2024 là 90.208.465đ (Chín mươi triệu hai trăm linh tám nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng).

Về quy trình vay vốn được thực hiện qua 8 bước theo quy định của Hồ sơ đề nghị vay vốn. Sau khi được vay vốn hộ gia đình ông Đỗ Văn H không thực hiện trả nợ gốc, trả nợ lãi như nội dung đã cam kết trong hồ sơ đề nghị vay vốn. Ban thu hồi công nợ xã T1 và các tổ chức đoàn thể nhận quản lý vốn cùng phối hợp với NHCSXH huyện đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông Đỗ Văn H và các thành viên trong gia đình vẫn cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nhà nước như đã cam kết. Vì vậy, đề nghị Tòa án buộc ông Đỗ Văn H và các thành viên trong hộ gia đình phải có nghĩa vụ trả nợ cho NHCSXH tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/9/2024 là: 90.208.465đ (Chín mươi triệu hai trăm linh tám nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng).

\* *Đối với bị đơn ông Đỗ Văn H:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H, tại Biên bản sự việc ngày 29/3/2024 ông H có mặt, Tòa án đã giải thích quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H vẫn từ chối làm việc với Tòa án. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình ông Đỗ Văn H, theo Biên bản xác minh ngày 30/7/2024, ông Đỗ Văn H trình bày:

Ông đã được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông từ chối ký vào biên bản giao nhận. Theo đơn khởi kiện của NHCSXH huyện Nông Cống yêu cầu ông và các thành viên trong hộ gia đình có nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền tính đến ngày 22/4/2024 là 91.387.873đ (trong đó: nợ gốc: 87.000.000đ, nợ lãi 4.387.873đ) của 03 khoản vay: Hồ sơ vay vốn chương trình hộ mới thoát nghèo, hồ sơ vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, hồ sơ vay vốn chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Khi vợ ông còn sống ông không được biết cụ thể các khoản vay trên giữa Ngân hàng và bà H1

như thế nào. Nhưng có vài lần ông đã trả lãi cho Tổ trưởng tổ vay vốn nhưng không biết là lãi gì.

Đến tháng 5/2023 âm lịch bà H1 mất. Điều kiện gia đình ông hiện nay khó khăn. Cháu Đỗ Thị Huyền và Đỗ Thị Hà đã lấy chồng. Cháu Đỗ Thị Hào hiện nay đang học tại Trường Đại học Hồng Đức còn cháu Đỗ Ngọc Hùng đang học Trường tiểu học. Ngoài ra ông còn đang nuôi một cháu ngoại.

Hiện nay ông làm nghề ngư nghiệp. Hiện tại ông cùng con trai và cháu ngoại đang sinh sống tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Thôn Y 1, xã T1, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. Bản thân ông hiện không đủ khả năng trả nợ. Tuy nhiên, ông sẽ bàn bạc với các con. Nếu các con đồng ý thì ông và các con sẽ cùng thu xếp để trả nợ cho ngân hàng. Ông H không có yêu cầu về chia di sản thừa kế của bà H1.

- Ông H và bà H1 có 4 con chung gồm:

+ Đỗ Thị H4, sinh năm 1994 (đã xây dựng gia đình)

+ Đỗ Thị H5, sinh năm 2000 (đã xây dựng gia đình)

Địa chỉ: Thôn T2, xã T3, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

+ Đỗ Thị H6, sinh năm 2004 (đang học tại Trường Đại học Đ1)

Địa chỉ: Thôn Y 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

+ Đỗ Ngọc H7, sinh năm 2016

Địa chỉ: Thôn Y 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- Bố mẹ đẻ của bà H1 là: Ông Lê Đình Th1 và bà Nguyễn Thị N hiện đang cư trú tại: Thôn HC, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

\* Theo Biên bản xác minh ngày 26/8/2024, ông Ngô Đình Th2 là bố chồng của chị Đỗ Thị H5 trình bày: Chị Đỗ Thị H5 là con dâu của ông Ngô Đình Th2, hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn T2, xã T3, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2020 chị H5 kết hôn với anh Ngô Đình N1 và chuyển về sinh sống với gia đình nhà chồng từ ngày 16/12/2020 đến nay. Về việc vay nợ giữa hộ gia đình ông Đỗ Văn H với NHCSXH huyện C thì gia đình ông không biết và cũng không có liên quan. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án, gia đình ông cam đoan sau khi nhận sẽ thông báo và giao ngay lại cho chị H4 biết.

\* Theo Biên bản xác minh ngày 26/8/2024, ông Lê Hồng Th1 và bà Nguyễn Thị N là bố mẹ đẻ của bà Lê Thị H1 trình bày:

Về quan hệ nhân thân: Bà Lê Thị H1 là con đẻ của ông bà. Bà H1 kết hôn với ông Đỗ Văn H và chuyển về sinh sống, trước khi chết có hộ khẩu thường trú tại thôn Y 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2023 bà H1 chết do tai nạn lao động.

Về khoản vay giữa gia đình bà Lê Thị H1 với NHCSXH huyện C ông bà không biết. Nay bà H1 đã mất, quan điểm của ông bà đề nghị ông H có trách nhiệm đối với khoản vay cho NHCSXH huyện C. Ngoài ra, ông bà không có

yêu cầu gì về phần tài sản thừa kế của bà H1. Do tuổi cao, sức yếu nên ông bà xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa cho đến khi giải quyết xong vụ án.

\* Tại Biên bản sự việc ngày 24/9/2024 tại Tòa án nhân dân huyện Nông Cống:

Vào hồi 15 giờ ngày 24/9/2024 ông Đỗ Văn H và chị Đỗ Thị H4 (con gái ông H) đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống làm đơn xin sao chụp tài liệu. Sau khi được Tòa án sao chụp những tài liệu ông H đề nghị, ông H trình bày ý kiến: Ông, chị H4, chị H5 và chị H6 đều không biết các khoản vay của bà H1 tại NHCSXH huyện C. Ông H không ký vào văn bản nào có liên quan đến Hồ sơ vay vốn nên không có liên quan và không đồng ý trả nợ cho NHCSXH huyện C.

Chị H4 trình bày ý kiến: Chị đi lấy chồng từ lâu, hiện đang sinh sống tại xã B, huyện H3, tỉnh Thanh Hóa. Chị không ở cùng với bố mẹ nên chị không biết và cũng không được hưởng lợi ích gì từ các khoản vay này của mẹ mình.

Tòa án đã hướng dẫn ông H và chị H4 viết bản tự khai. Tuy nhiên, ông H từ chối viết bản tự khai và ngăn cản không cho chị H4 viết bản tự khai.

*\* Tại phiên tòa:*

- Ông Nguyễn Bá T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trên cơ sở Giấy đề nghị vay vốn của bà Lê Thị H1 - là người đại diện của hộ gia đình, Tổ tiết kiệm và vay vốn tiến hành họp để bình xét, kiểm tra các yếu tố trên Giấy đề nghị vay vốn, đối chiếu các đối tượng xin vay đúng với chính sách vay vốn của Chính phủ. Sau đó lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH kèm Giấy đề nghị vay vốn trình UBND cấp xã xác nhận. Cuộc họp tổ Tiết kiệm và vay vốn có sự tham gia chỉ đạo của Đại diện Hội đoàn thể cấp xã và sự giám sát của Trưởng thôn. Sau đó UBND cấp xã, Tổ tiết kiệm và vay vốn gửi toàn bộ hồ sơ đề nghị vay vốn của hộ gia đình bà Lê Thị H1 cho NHCSXH để làm thủ tục phê duyệt cho vay. Hộ gia đình bà Lê Thị H1 được NHCSXH huyện C lập hồ sơ vay vốn theo đúng quy trình. Mục đích vay vốn của hộ gia đình bà H1 là mua thuyền máy đánh cá và chài lưới; xây dựng công trình nước sạch và xây dựng công trình vệ sinh và chi phí học tập cho sinh viên là Đỗ Thị H6. Hộ gia đình cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích. Bản thân ông H làm nghề ngư nghiệp, hồ sơ vay vốn chương trình học sinh, sinh viên có Giấy xác nhận của Trường Đại học Đ2 ngày 16/02/2023. Giấy xác nhận của Trường Đại học chỉ dành riêng cho hồ sơ xin vay vốn chương trình học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Tại Phong bì chuyển phát nhanh EMS ngày 17/02/2023, thể hiện chị Đỗ Thị H6, địa chỉ: Ngõ BM, thôn A, xã A, DT, Lâm Đồng, gửi cho ông Đỗ Văn H, thôn 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Khi bà Lê Thị H1 còn sống thì gia đình ông Đỗ Văn H chấp hành việc nộp lãi và gửi tiết kiệm đầy đủ. Khi trả lãi có phát hành biên lai thu tiền lãi ghi đầy đủ nội dung thông tin theo mẫu của Ngân hàng. Quá trình trả nợ ông H thừa nhận có trả lãi vài lần cho Tổ trưởng tổ vay vốn. Hộ gia đình bà Lê Thị H1 có lịch sử tín dụng lâu dài hơn 10 năm (từ

năm 2013) tại NHCSXH. Tại Biên bản làm việc ngày 14/12/2023 các thành viên trong Tổ xử lý nợ đều thống nhất trình bày: Hộ gia đình ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị H1 được Tổ tiết kiệm và vay vốn Hội nông dân thôn Y 1, xã T1 bình xét vay vốn tại NHCSXH huyện C theo 03 chương trình vay là đúng thực tế. Do đó, ông H trình bày không biết các khoản vay của gia đình tại NHCSXH là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nhà nước. NHCSXH huyện phối hợp với Ban thu hồi công nợ xã T1 và các tổ chức đoàn thể nhận quản lý vốn đã nhiều lần đôn đốc nhưng gia đình ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định. Vì vậy, đại diện NHCSXH huyện C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Đỗ Văn H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NHCSXH huyện C số tiền tính đến ngày 30/9/2024 là:

+ Đối với Hồ sơ vay vốn chương trình hộ mới thoát nghèo:

Số tiền gốc là 50.000.000đ, số tiền lãi là 5.300.337đ. Tổng số tiền nợ là: 55.300.337đ.

+ Đối với Hồ sơ vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

Số tiền gốc là 17.000.000đ (ngày 08/12/2022 đã thu nợ gốc một phần số tiền 3.000.000đ), số tiền lãi là 1.830.876đ. Tổng số tiền nợ là: 18.830.876đ.

+ Đối với Hồ sơ vay vốn chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn:

Số tiền gốc là 20.000.000đ, số tiền lãi là 1.537.207đ. Tổng số tiền nợ là: 21.537.207đ.

Tổng số tiền nợ 03 chương trình tính đến ngày 30/9/2024 là: 95.668.420đ. (trong đó: nợ gốc 87.000.000đ, nợ lãi 8.668.420đ).

Số dư tiền gửi tiết kiệm tính đến ngày 30/9/2024 là: 5.249.749đ được trừ vào số nợ gốc. Vì vậy, tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông Đỗ Văn H phải trả tính đến ngày 30/9/2024 là: 90.418.671đ (Trong đó: nợ gốc là 81.750.251đ, nợ lãi là 8.668.420đ).

- Người làm chứng ông Lê Quốc L1 trình bày: Hộ gia đình ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị H1 được Tổ tiết kiệm và vay vốn Hội nông dân thôn Y 1, xã T1 bình xét vay vốn tại NHCSXH huyện C. Ông Đỗ Văn H là người đến gặp ông để hỏi thủ tục xin vay vốn. Năm 2019, hộ gia đình đã vay chương trình hộ mới thoát nghèo số tiền là 50.000.000đ. Năm 2022, hộ gia đình đã vay chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 20.000.000đ. Năm 2023, hộ gia đình vay chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền là 20.000.000đ. Đại diện hộ gia đình đứng tên trên Sổ vay vốn là bà Lê Thị H1. Khi bà Lê Thị H1 còn sống thì gia đình ông Đỗ Văn H chấp hành việc nộp lãi và gửi tiết kiệm đầy đủ. Việc trả lãi của hộ gia đình bà H1 thì ông là người trực tiếp thu tiền lãi, có tháng thì bà H1 trả, có tháng thì ông H trả, có biên lai ghi đầy đủ nội dung thông tin theo mẫu của Ngân hàng. Sau khi bà H1 chết thì ông H không thực hiện trả nợ gốc, trả nợ lãi theo quy định trong hồ sơ đề nghị vay vốn.

Ban thu hồi công nợ xã T1 và các tổ chức đoàn thể nhận quản lý vốn cùng phối hợp với NHCSXH huyện đã nhiều lần đôn đốc nhưng gia đình ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định. Vì vậy, ông cũng thống nhất với ý kiến của đại diện NHCSXH buộc gia đình ông H phải trả toàn bộ số nợ theo 3 chương trình để thu hồi nguồn vốn cho Nhà nước.

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn N1 trình bày: Hộ gia đình ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị H1 được Tổ tiết kiệm và vay vốn Hội nông dân thôn Y 1, xã T1 bình xét vay vốn tại NHCSXH huyện C. Năm 2019, hộ gia đình đã vay chương trình hộ mới thoát nghèo số tiền là 50.000.000đ. Năm 2022, hộ gia đình đã vay chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 20.000.000đ. Năm 2023, hộ gia đình vay chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền là 20.000.000đ. Đại diện hộ gia đình đứng tên trên Sổ vay vốn là bà Lê Thị H1 là đúng thực tế. Vì vậy, ông cũng thống nhất với ý kiến của đại diện NHCSXH buộc gia đình ông H phải trả toàn bộ số nợ theo 3 chương trình để thu hồi nguồn vốn cho Nhà nước.

*\* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 49 BLTTDS. Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 86 BLTTDS. Đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ Văn H phải liên đới thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng và nghĩa vụ do người chết để lại để trả toàn bộ số nợ cho NHCSXH V là:

Tổng số tiền nợ 03 chương trình tính đến ngày 30/9/2024 là: 95.668.420đ. (trong đó: nợ gốc 87.000.000đ, nợ lãi 8.668.420đ).

Số dư tiền gửi tiết kiệm tính đến ngày 30/9/2024 là: 5.249.749đ được trừ vào số tiền nợ gốc nên tổng số tiền buộc ông Đỗ Văn H phải trả cho NHCSXH V tính đến ngày 30/9/2024 là: 90.418.671đ (Trong đó: nợ gốc là 81.750.251đ, nợ lãi là 8.668.420đ).

- Về án phí: Ông Đỗ Văn H phải chịu toàn bộ án phí giá ngạch tài sản theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào các Hồ sơ vay vốn tại NHCSXH huyện C của hộ bà Lê Thị H1, sinh năm 1977, nơi cư trú: Thôn 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 11 tháng 7 năm 2023 bà Lê Thị H1 chết (theo Trích lục khai tử số 661/TLKT - BS ngày 25/9/2024). Ông Đỗ Văn H là chồng của bà Lê Thị H1 nên nguyên đơn NHCSXH khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đỗ Văn H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Đỗ Văn H cư trú tại thôn 1 Y, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74 BLTTDS và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất còn lại của bà Lê Thị H1 gồm: Chị Đỗ Thị H4 (con bà H1), chị Đỗ Thị H5 (con bà H1), chị Đỗ Thị H6 (con bà H1), ông Lê Đình Th1 (bố đẻ của bà H1) và bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ của bà H1) là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H1 nên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 74 BLTTDS.

[1.3]. Bị đơn ông Đỗ Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi:

Theo Sổ vay vốn tại NHCSXH huyện Nông Cống thể hiện: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Theo Giấy ủy quyền lập ngày 12/6/2019. Số nhân khẩu trong hộ 7 người, trong đó số lao động 4 người. Theo đó, bà Lê Thị H1 là người đại diện của hộ gia đình đã ký kết với NHCSXH huyện C gồm 03 Hồ sơ vay vốn như sau:

- Đối với Hồ sơ vay vốn chương trình hộ mới thoát nghèo: Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 12/6/2019 của bà Lê Thị H1 đề nghị NHCSXH huyện C cho vay số tiền 50.000.000đ để thực hiện phương án: mua thuyền máy đánh cá và chài lưới. Ngày 26/6/2019 NHCSXH huyện C đã phê duyệt: Số tiền vay 50.000.000đ, lãi suất 8,25%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Thời hạn cho vay 48 tháng. Kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần. Số tiền trả nợ 12.500.000đ/lần. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/7/2023. Theo Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - Thu nợ - Dư nợ chương trình



hộ mới thoát nghèo đối với hộ bà Lê Thị H1 và Phiếu giải ngân ngày 08/7/2019 của NHCSXH huyện C giải ngân số tiền 50.000.000đ tiền mặt. Ngày gia hạn 06/7/2023 đến ngày 06/4/2025. Ngày chuyển nợ quá hạn 28/9/2023; tính đến ngày 30/9/2024 số tiền gốc là 50.000.000đ, số tiền lãi là 5.300.337đ. Tổng số tiền nợ là: 55.300.337đ.

- Đối với Hồ sơ vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 01/4/2022 của bà Lê Thị H1 đề nghị NHCSXH huyện C cho vay số tiền 20.000.000đ để thực hiện phương án: xây dựng công trình nước sạch và xây dựng công trình vệ sinh. Ngày 05/4/2022 NHCSXH huyện C đã phê duyệt: Số tiền vay 20.000.000đ, lãi suất 9%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Thời hạn cho vay 60 tháng. Kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần. Số tiền trả nợ 2.000.000đ/lần. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 08/4/2027. Theo Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - Thu nợ - Dư nợ chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đối với hộ bà Lê Thị H1 và Phiếu giải ngân ngày 08/4/2022 của NHCSXH huyện C giải ngân số tiền 20.000.000đ tiền mặt. Ngày chuyển nợ quá hạn 28/9/2023; tính đến ngày 30/9/2024 số tiền gốc là 17.000.000đ (ngày 08/12/2022 đã thu nợ gốc một phần số tiền 3.000.000đ), số tiền lãi là 1.830.876đ. Tổng số tiền nợ là: 18.830.876đ.

- Đối với Hồ sơ vay vốn chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn: Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 24/02/2023 của bà Lê Thị H1 đề nghị NHCSXH huyện C cho vay số tiền 140.000.000đ để thực hiện phương án: chi phí học tập cho sinh viên Đỗ Thị H6 (kèm theo Giấy xác nhận số tiền học phí hàng tháng của sinh viên Đỗ Thị H6 tại Trường Đại học Đ2). Ngày 03/3/2023 NHCSXH huyện C đã phê duyệt: Số tiền vay 140.000.000đ, lãi suất 6,6%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Thời hạn cho vay 91 tháng. Kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần. Số tiền trả nợ 17.500.000đ/lần. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 08/10/2030. Theo Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - Thu nợ - Dư nợ chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đối với hộ bà Lê Thị H1 và Phiếu giải ngân ngày 08/3/2023 của NHCSXH huyện C giải ngân số tiền 20.000.000đ tiền mặt. Tính đến ngày 30/9/2024 số tiền gốc là 20.000.000đ, số tiền lãi là 1.537.207đ. Tổng số tiền nợ là: 21.537.207đ.

Tổng số tiền nợ 03 chương trình tính đến ngày 30/9/2024 là: 95.668.420đ. (trong đó: nợ gốc 87.000.000đ, nợ lãi 8.668.420đ).

Số dư tiền gửi tiết kiệm tính đến ngày 30/9/2024 là: 5.249.749đ được trừ vào số nợ gốc. Vì vậy, tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông Đỗ Văn H phải trả tính đến ngày 30/9/2024 là: 90.418.671đ (trong đó: nợ gốc là 81.750.251đ, nợ lãi là 8.668.420đ).

Hội đồng xét xử xét thấy: Các Hợp đồng tín dụng giữa NHCSXH huyện C với hộ gia đình bà Lê Thị H1 đã đảm bảo các điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 BLDS; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên hợp đồng có hiệu lực. Do đó, NHCSXH huyện C buộc hộ gia đình bà H1 phải có trách nhiệm trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng tại NHCSXH là phù

hợp với quy định tại các Điều 280, Điều 351 và Điều 466 BLDS; khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2]. Về quá trình thực hiện hợp đồng và trách nhiệm dân sự:

Các Hồ sơ vay vốn của hộ gia đình bà H1 tại NHCSXH huyện C nhằm thực hiện phương án: mua thuyền máy đánh cá và chài lưới; xây dựng công trình nước sạch và xây dựng công trình vệ sinh và chi phí học tập cho con là Đỗ Thị H6. Mục đích vay vốn của hộ gia đình bà H1 đều nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình và cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích. Bản thân ông H làm nghề ngư nghiệp, hồ sơ vay vốn chương trình học sinh, sinh viên có Giấy xác nhận của Trường Đại học Đ2 ngày 16/02/2023. Tại Phong bì chuyển phát nhanh EMS ngày 17/02/2023, mục người gửi ghi: Đỗ Thị H6, địa chỉ: Ngõ BM, thôn A, xã A, ĐT, Lâm Đồng. Mục người nhận ghi: Đỗ Văn H, thôn 1, xã T1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Tại Biên bản xác minh ngày 30/7/2024, ông H trình bày ông có trả lãi vài lần cho Tổ trưởng tổ Tiết kiệm và vay vốn. Tại Biên bản làm việc ngày 14/12/2023 và tại phiên tòa các thành viên trong Tổ xử lý nợ đều thống nhất trình bày: Hộ gia đình ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị H1 được Tổ tiết kiệm và vay vốn Hội nông dân thôn Y 1, xã T1 bình xét vay vốn tại NHCSXH huyện C theo 03 chương trình vay vốn là đúng thực tế. Đại diện hộ gia đình đứng tên trên Sổ vay vốn là bà Lê Thị H1. Khi bà Lê Thị H1 còn sống thì gia đình ông Đỗ Văn H chấp hành việc nộp lãi và gửi tiết kiệm đầy đủ theo Biên lai thu tiền của Ngân hàng. Có tháng thì bà H1 nộp, có tháng thì ông H nộp cho Tổ trưởng tổ Tiết kiệm và vay vốn. Sau khi bà H1 chết thì ông H không thực hiện trả nợ gốc, trả nợ lãi theo quy định trong hồ sơ đề nghị vay vốn. Ban thu hồi công nợ xã T1 và các tổ chức đoàn thể nhận quản lý vốn cùng phối hợp với NHCSXH huyện đã nhiều lần đôn đốc nhưng gia đình ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định. Vì vậy, các thành viên trong Tổ xử lý nợ đều thống nhất buộc gia đình ông H phải trả toàn bộ số nợ theo 3 chương trình để thu hồi nguồn vốn cho Nhà nước.

Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích vay vốn của hộ gia đình bà H1 nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Hiện nay bà Lê Thị H1 đã chết, ông H đang quản lý toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất dùng để đảm bảo nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Do đó, buộc ông Đỗ Văn H phải có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng và nghĩa vụ do người chết để lại để trả toàn bộ số nợ cho NHCSXH V là phù hợp với quy định tại các Điều 27, Điều 33, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 212, Điều 213, khoản 1 khoản 2 Điều 615 và khoản 8 Điều 658 BLDS.

[3]. Về án phí: Bị đơn ông Đỗ Văn H phải chịu toàn bộ án phí giá ngạch tài sản theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 117, Điều 212, Điều 213, Điều 280, Điều 292, Điều 299, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1, 2 Điều 615, khoản 8 Điều 658 BLDS; Điều 27, Điều 33, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V.

Buộc ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V tổng số tiền của 03 chương trình vay vốn là: Chương trình Hộ mới thoát nghèo, chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và chương trình Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, tính đến ngày 30/9/2024 là:

Tiền gốc: 81.750.251đ, tiền lãi: 8.668.420đ. Tổng cộng: 90.418.671đ (Chín mươi triệu bốn trăm mười tám nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng).

Ông Đỗ Văn H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2024 theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng V cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí: Ông Đỗ Văn H phải chịu 4.520.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) án phí giá ngạch tài sản.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn thời 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Người đại diện theo ủy quyền của ND;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trịnh Thị Hà**

